TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 4 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Bình;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04/4/2023), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Lâm Thị N, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Vinh Q, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Vũ Văn Q trình bày:

Anh Vũ Văn Q và chị Lâm Thị N xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện T từ ngày 25/02/2019. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng đầu năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn, anh Q yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác cho chị Lâm Thị N theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, chị N không chấp hành các yêu cầu của Tòa án và cũng không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Q. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2022, ông Lâm Thiên K (là bố đẻ chị N) cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng anh Q, chị N phát sinh là do tính tình không hợp, anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ đầu năm 2021 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, anh Q xin ly hôn, ông K được biết chị N cũng đồng ý ly hôn. Nhưng chị N không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn vì bận công việc. Gia đình ông luôn mong muốn anh chị đoàn tụ. Tuy nhiên, do anh chị đã trưởng thành nên việc ly hôn là do anh chị quyết định. Anh chị không có con chung và cũng không có tài sản chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, xét xử vắng mặt bị đơn và các hoạt động tố tụng khác. Trình tự, thủ tục hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn Q: Xử cho anh Q được ly hôn chị N. Về con chung: Anh chị không có con chung. Về tài sản chung: Anh chị không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Vũ Văn Q khởi kiện xin ly hôn chị Lâm Thị N, cư trú tại thôn Đ, xã V, huyện T, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Bị đơn là chị Lâm Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

- Về nội dung:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Văn Q và chị Lâm Thị N được xác lập từ ngày 25/02/2019 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng đầu năm 2021 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay, anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N. Xét thấy, vợ chồng anh Q, chị N ly thân đến nay đã 02 năm, không còn quan tâm đến nhau, do đó có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, cho anh được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, anh Q phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn Q được ly hôn chị Lâm Thị N.

2. Về con chung: Anh chị không có con chung.

3. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn Q phải chịu 300.000 đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Q đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006398 ngày 30/11/2022. Anh Q đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Chi